

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 265 /HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2020
V/v: Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mạnh Khang.
2. Bà Đào Thị Xê.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Thành - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ĐTT, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TA, xã Ak, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh DQN, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn TA, xã Ak, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị ĐTT trình bày:***

Tôi và anh DQN, sinh năm 1978 đăng ký kết hôn vào tháng 02 năm 2000 tại trụ sở UBND xã AK, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Từ khi kết hôn cho đến hiện tại anh Nhàn không chịu làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình, mắc nghiện ma túy. Từ khi kết hôn đến nay anh Nhàn ra tù vào tù liên tục. Hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam số 6 -Bộ công an.

Về tình cảm vợ chồng: Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi xin ly hôn anh DQN.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Dương Thu Hoài, sinh năm 2000 hiện nay cháu hoài đã trưởng thành, cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 6 năm 2020, bị đơn anh DQN trình bày.

Tôi kết hôn với cô ĐTT có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã AK, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống tại khu thức ăn chăn nuôi AK nay là thôn Trường An, xã AK, vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì chỉ do tôi từ năm 2004 cho đến nay đã đi cải tạo bốn lần, lần gần đây nhất là 8 năm về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay cô ĐTT xin ly hôn tôi, tôi đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Dương Thu Hoài, sinh năm 2000 hiện nay cháu hoài đã trưởng thành, cháu ở với ai là quyền của cháu.

Hiện nay tôi đang đi chấp hành quyết định đi chấp hành án tại Trại giam số 6-Bộ công an khi Tòa án hòa giải hay đưa vụ án ra xét xử tôi xin vắng mặt.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân giữa chị ĐTT và anh DQN đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Linh, cho chị Tám được ly hôn anh Nhân;

- Về con chung: Cháu Dương Thu Hoài tại thời điểm xét xử đã trưởng thành cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tám và anh Nhân không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Tám phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đó được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Hiện nay anh DQN đang đi chấp hành án tại Trại giam số 6-Bộ công an. Anh DQN đã có lời khai và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh DQN là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Chị ĐTT và anh DQN kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị ĐTT và anh DQN là hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống do anh Nhân không chịu tu trí làm ăn, chơi bời, nghiện ma túy, liên tục vào tù ra tội và không quan tâm đến gia đình, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Điều đó khẳng định: mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc, tình trạng hôn nhân trầm trọng. mục đích hôn nhân không đạt được chị Tám xin ly hôn anh Nhân cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Tám và anh Nhân là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Hiện nay cháu Dương Thu Hoài đã trưởng thành cháu ở với ai là quyền của cháu.

[2.3] Về tài sản chung: Chị ĐTT và anh DQN đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị ĐTT phải nộp án phí ly hôn sở thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ vào: khoản 1, Điều 28; Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 khoản 4 Điều 147; điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị ĐTT và anh DQN

[2]. Về con chung: Cháu Dương Thu Hoài đã trưởng thành cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

[3]. Về tài sản chung: Chị ĐTT và anh DQN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị ĐTT phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009752 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị ĐTT có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh DQN được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã AK;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Huy

